

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Technology In English learning - 01 \_ 2101A8 -

CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08128033	VŨ THỊ THU	HUYỀN	DH08AVG						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09128085	ĐINH THỊ KIM	THÚY	DH09AV					7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10128001	HỒ XUÂN	AN	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10128010	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	DH10AV						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10128011	VŨ TRỌNG	BẮNG	DH10AV						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10128017	HUỲNH THU KIM	DUYÊN	DH10AV						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10128018	LÊ PHAN THỊ MỸ	DUYÊN	DH10AV					7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10128020	TRẦN NGỌC TRANG	ĐÀI	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10128022	HUỲNH THỊ CẨM	GIANG	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10128023	ĐINH THỊ NGỌC	HÀ	DH10AV						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10128030	PHAN THỊ THU	HIỀN	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10128037	ĐỖ HỮU	KHANG	DH10AV						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10128040	NGUYỄN THỊ MINH	LÀI	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10128039	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	DH10AV					7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10128041	MAI THỊ	LÂM	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10128043	DƯƠNG THỊ MỸ	LÊ	DH10AV					6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10128055	TRẦN THỊ LI	NA	DH10AV					7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10128058	NGUYỄN THỊ THU	NGA	DH10AV						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: .....; Số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu ý: D1, D2: Điểm thành phần 1,2;  
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đào Đức Tuyên

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Đào Đức Tuyên



Mã nhận dạng 03018

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Technology in English learning - 01

CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10128074	PHẠM HỮU PHÚC	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10128084	ĐÀM THỊ THU THẢO	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10128086	LƯƠNG THỊ THU THẢO	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10128088	NGUYỄN THỊ THU THẢO	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10128090	PHÍ THỊ PHƯƠNG THẢO	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10128098	DƯƠNG VIỆT TRÂN	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10128099	ĐƯỜNG VŨ HUYỀN TRÂN	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	10128104	PHẠM THỊ THANH TRÚC	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	10128105	VÕ NGỌC THANH TRÚC	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	10128110	NGUYỄN NGỌC TÚ	DH10AV						8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10128106	LÊ ĐĂNG NGỌC TUYỀN	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	10128116	PHẠM THỊ BÙI YẾN	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: .....; Số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu ý: D1, D2: Điểm thành phần 1,2;  
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đào Đức Tuyên

Cán bộ chấm thi 1&2

Đào Đức Tuyên

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Technology in English learning - 04

CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	D1 (%)	D2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08128086	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	DH08AVQ						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08128103	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	DH08AVQ							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09128079	TRẦN MINH THIỆN	DH09AV							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09128093	TRỊNH ĐÀO THƯƠNG	DH09AV							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10128003	NGUYỄN HOÀNG MỸ AN	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10128016	HUỲNH ĐOÀN PHƯƠNG DUNG	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10128024	LÊ ĐỨC HOÀNG HẠC	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10128028	NGUYỄN ĐỖ ĐIỂM HÂN	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10128044	NGUYỄN NGỌC LÊ	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10128053	HUỲNH NHẬT MINH	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10128059	LÊ THỊ NGỌC NGÂN	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10128063	PHAN THỊ MINH NGỌC	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10128066	NGUYỄN THỊ Ý NHÌ	DH10AV							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10128069	PHAN THỊ QUỲNH NHƯ	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10128078	HUỲNH THỊ NGỌC QUYÊN	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10128080	VŨ THIỀN TÂM	DH10AV						7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10128091	NGUYỄN THỊ THẨM	DH10AV						6	(V) 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10128095	NGUYỄN THỊ MINH THÚY	DH10AV							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: ..... Số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1&2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;  
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Đào Đức Tuyên

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Đào Đức Tuyên

Đào Đức Tuyên

### DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Technology In English learning - 04

CBGD: Đào Đức Tuyên (384)

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

### Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán-hộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;  
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Đỗ Bí Tuyê